

Bản án số: **293/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/4/2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Tuấn

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 676/2024/TLST- HNGĐ ngày 12/12/2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 26/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; HKTT: Số C, ngõ C, TDP A phường L, quận H, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số D, ngõ B đường L, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1992; HKTT: Số C, ngõ C, TDP A phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn Q kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, quận H, thành phố Hà Nội ngày 20/11/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q có hành vi ngược đãi, xúc phạm nhau khiến tình trạng hôn nhân trầm trọng không thể cứu vãn. Chị và anh Quảng ly T từ tháng 05/2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có 01 con chung là Phạm Hồng T1, sinh ngày 12/9/2016. Cháu T1 khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện tại chị không có thai. Cháu T1 đang ở với chị. Ly hôn xin được nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung từ 1.500.000 đồng - 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị hiện đang làm giáo viên mầm non Trường mầm non Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội, lương hiện tại là 9.000.000đồng – 10.000.000 đồng/tháng. Chị đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị.

Anh Quảng hiện là lao động tự do, làm nghề ship hàng, chị không nắm được thu nhập của anh Q.

2. Bị đơn – anh Phạm Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến.

3. Kết quả xác minh tại Tổ dân phố thể hiện: Hiện nay anh Q vẫn đang inh sống tại Tổ A phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống chị N và anh Q có mâu thuẫn trầm trọng, có đánh chửi nhau, anh Q có trói chị N để nhốt, Công an phường phải đến giải cứu, TDP phải can thiệp. Hiện nay chị N không còn chung sống với anh Q. Nay chị N xin ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh Q. Về con chung: Chị N xin nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đồng - 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Q; Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là

2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn Q cư trú tại số C, ngõ C, TDP A phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn UBND phường L, quận H, thành phố Hà Nội ngày 20/11/2015 nên hôn nhân giữa chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị N và kết quả xác minh tại Tổ dân phố cho thấy: Chị N và anh Q có mâu thuẫn đánh chửi nhau, chị N và anh Q đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị N xin ly hôn anh Q phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung là Phạm Hồng T1, sinh ngày 12/9/2016.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Cháu T1 đang ở với chị N và có nguyện vọng tiếp tục ở với chị N. Chị N có công việc, thu nhập ổn định. Trên cơ sở xem xét điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con chung cần giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N được giao nuôi con chung, do đó chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Do đó buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N là 2.000.000 đồng/tháng.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Hồng T1, sinh ngày 12/9/2016.

Giao chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Hồng T1, sinh ngày 12/9/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Phạm Văn Q có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0044272 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Anh Phạm Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- UBND xã, phường nơi thực hiện ĐKKH;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hạnh